

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 27-6-2019  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Thanh Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Sương.  
2. Ông Lê Thanh Nghị.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công Kh1i vụ án thụ lý số 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm: 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Th, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Minh C, sinh năm: 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Th, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn ly hôn ngày 03/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh C bắt đầu chung sống từ năm 1993, do quen biết trước và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn do anh C đam mê cờ bạc, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng kéo dài và ngày càng gay gắt, trầm trọng. Từ năm 2008 anh C đã bỏ

nhà đi làm xa và đã sống ly thân với chị đến nay. Nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh C.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Kh1, sinh ngày 28/5/1995 và Nguyễn Đăng Kh2, sinh ngày 07/10/2006. Ly hôn, do Nguyễn Hoàng Kh1 đã trưởng thành và lao động được nên chị không có yêu cầu gì; đối với cháu Nguyễn Đăng Kh2 thì chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

\* Bị đơn anh Nguyễn Minh C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh C không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được; đối với con chung hiện sống với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh C và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Minh C có nơi cư trú tại ấp Th, xã L, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Minh C đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh C.

[3] Về hôn nhân: Chị Tr và anh C chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 23/3/2006 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị Tr và anh C xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh C vẫn vắng

mặt không lý do, điều đó chứng tỏ anh C chẳng quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn tha thiết đến cuộc hôn nhân với chị Tr. Theo biên bản xác minh ngày 29/3/2019 của Tòa án thì chính quyền địa phương nơi chị Tr và anh C cư trú cung cấp thông tin là giữa chị Tr và anh C có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và hiện anh chị không còn sống chung.

Thấy rằng, giữa chị Tr và anh C không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị Tr và anh C đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị Tr và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Kh1, sinh ngày 28/5/1995 và Nguyễn Đăng Kh2, sinh ngày 07/10/2006.

Đối với Nguyễn Hoàng Kh1 đã trưởng thành và có khả năng lao động, chị Tr không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Cháu Nguyễn Đăng Kh2 chưa thành niên, chị Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình điều tra, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh C trong đó có nêu rõ về yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị Tr, nhưng anh C không thể hiện nguyện vọng của mình đối với con chung.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “2. *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ...*”.

Do anh C vắng mặt nên không có sự thỏa thuận với chị Tr về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện cháu Nguyễn Đăng Kh2 còn nhỏ và đang sống chung với chị Tr. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường cho cháu nên cần thiết giao cháu Nguyễn Đăng Kh2 cho chị Tr được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Đăng Kh2 là được sống với mẹ. Nếu sau này anh C có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Chị Tr không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Chị Tr, anh C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Tr là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 và Tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật thi hành án dân sự.

### **Tuyên xử:**

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tr, cho chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng Kh2, sinh ngày 07/10/2006 cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 39995 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị Tr đã nộp xong án phí.

Anh C không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Tr được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh C vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thanh Phú**